TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 11 - 2022 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Anh Lý

Ông Nguyễn Kim Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Bà Phạm Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà Bùi Thảo N, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Park M, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 5, D, 89Y, Ui-si, G-do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Bùi Thảo N trình bày: Bà và ông Park M đăng ký kết hôn ngày 05/01/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn ông Park M về Hàn Quốc, bà có tiến hành các thủ tục để sang Hàn Quốc sinh sống với chồng nhưng chưa hoàn thành. Do điều kiện nơi ở của ông bà cách xa, ông Park M liên hệ qua điện thoại thường xuyên có thái độ ghen tương vô cớ gây mâu thuẫn, cũng từ khi kết hôn đến nay vợ chồng không gặp trực tiếp với nhau.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Park M.

Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau đã thực hiện thủ tục uỷ thác tư pháp theo qui định chung nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của ông Park M trình bày quan điểm xử lý vụ kiện.

Theo qui định, tại thời điểm này đã đến hạn đưa vụ việc ra xử lý.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: N đơn cho rằng vợ chồng không đoàn tụ, hôn nhân không hạnh phúc là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Thảo N xin xử vắng mặt và ông Park M vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của N đơn:

Bà N và ông Park M kết hôn tự nguyện theo pháp luật Việt Nam. Thời gian tồn tại hôn nhân ông bà không có con chung, tài sản chung và nợ.

Hiện tại vợ chồng sinh sống riêng, cách biệt kéo dài, không hạnh phúc nên bà N xin ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, đương sự không yêu cầu xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình và lệ phí uỷ thác tư pháp: Bà N phải chịu theo quy định.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà N đã thanh toán và đối chiếu xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Bùi Thảo N ly hôn với ông Park M.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu xem xét nên không xét.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thảo N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 25/11/2021 bà N đã nộp tạm ứng án

phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000003 tại Cục Thi hành án tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Bùi Thảo N phải chịu 200.000 đồng, ngày 08/12/2021 bà N đã dự nộp 200.000 đồng theo biên lai số 0000004 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, ông Park M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Yên